

TĐĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 27.01.2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định
trong lĩnh vực biển và hải đảo**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 18/2023/QH15,
Luật số 61/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực
nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định trong lĩnh vực biển và hải đảo, bao gồm Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025; Nghị định số
41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa
học trong vùng biển Việt Nam; Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02
năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho
tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.*

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
40/2016/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN,
MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI
NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2025

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 8 như sau:

“d) Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đoạn đường bờ biển được chỉnh lý sau khi hoàn thành dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư; được rà soát, cập nhật, chỉnh lý để phù hợp với thực tế loại hình bờ biển theo quy định tại điểm a khoản này hoặc khi có sự thay đổi hiện trạng đường bờ biển, địa hình làm thay đổi đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đã được công bố.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển thực hiện rà soát, xác định, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm phần đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các đặc khu đã được công bố; rà soát, xác định, cập nhật, chỉnh lý và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đảo thuộc phạm vi quản lý trừ đảo có diện tích lớn nhất của các đặc khu.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh chương trình:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển trở lên. Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chương trình đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển có liên quan để phối hợp thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển phê duyệt, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản, tài liệu. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển gửi Quyết định phê duyệt chương trình đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 26 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình gồm:

- a) Tờ trình phê duyệt Chương trình;
- b) Dự thảo Chương trình và báo cáo thuyết minh;
- c) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ;
- d) Dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau:

“1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển căn cứ Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ trong Chương trình được giao theo quy định của pháp luật và Nghị định này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 28 như sau:

“b) Định kỳ hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ được giao về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39 như sau:

“1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển công bố hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được lập theo quy định của pháp luật đo đạc và bản đồ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có biển nơi có hành lang bảo vệ bờ biển và tại khu vực hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 43 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp xã có biển có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;
- b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật;
- c) Tham gia xây dựng và phối hợp thực hiện việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;
- d) Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn; đề xuất điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thuộc phạm vi quản lý;
- đ) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 49 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ chưa thể hiện cụ thể phạm vi khu vực biển đề nghị nhận chìm và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển chưa quy định khu vực biển để nhận chìm thì việc xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển để nhận chìm thực hiện theo khoản 4 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và quy định kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Giấy phép nhận chìm ở biển bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15, được lập theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 11a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

3. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong quá trình thực hiện Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy phép nhận chìm ở biển trước khi thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi, bổ sung phương tiện chuyên chở;
- b) Tên tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển có sự thay đổi hoặc có thay đổi chủ dự án nhận chìm làm thay đổi tên tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển;
- c) Các thay đổi đối với hoạt động nạo vét, nhận chìm ở biển không thuộc trường hợp phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 51 như sau:

“1. Giấy phép nhận chìm ở biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

- a) Tăng khối lượng vật, chất nhận chìm;
- b) Thay đổi ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm (phạm vi không tách rời khu vực biển đã được giao sử dụng để nhận chìm);
- c) Thay đổi thuộc trường hợp phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

“Điều 54. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 03a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu tại điểm này;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hồ sơ trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển:

a) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu tại điểm này;

d) Sơ đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới, diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

5. Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 55 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

a) Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cách thức nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính và việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

Điều 12. Bổ sung khoản 6 Điều 56 như sau:

“6. Nội dung đánh giá tác động môi trường của dự án; xem xét các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

“Điều 57. Trình tự thực hiện thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Trong thời hạn không quá 50 ngày đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; không quá 30 ngày đối với hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển kể từ thời điểm hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ thể hiện trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại Điều 56 Nghị định này. Kết luận thẩm định phải được lập thành văn bản.

2. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ; gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo cơ quan thẩm định hồ sơ, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng, 01 Ủy viên thư ký, 02 Ủy viên phản biện và các Ủy viên, trong đó có ít nhất 1/3 thành viên Hội đồng có chuyên môn liên quan đến việc đánh giá sự phù hợp của hoạt động nhận chìm đối với môi trường, hệ sinh thái biển. Thành viên Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm về những nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên Hội đồng thẩm định. Phiên họp của Hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có sự tham gia tại phiên họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) từ 2/3 số lượng thành viên Hội đồng thẩm định trở lên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền, ủy viên thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được mời tham gia phiên họp của Hội đồng thẩm định;

b) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản;

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển.

4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại phải gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 66 như sau:

“d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm ở biển;”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 như sau:

1. Thay thế một số từ, cụm từ sau đây:

a) Thay thế từ “huyện” thành từ “xã” tại điểm b khoản 3 Điều 16 và tại Mẫu số 02, Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

b) Thay thế hai cụm từ “của các huyện đảo” và “thuộc các huyện đảo” bằng cụm từ “thuộc đặc khu” tại điểm c khoản 4 Điều 8;

c) Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền” bằng cụm từ “người có thẩm quyền” tại khoản 2, khoản 3 Điều 58; khoản 2 Điều 59.

2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 và Mẫu số 11; bổ sung Mẫu số 03a, Mẫu số 11a và Mẫu số 15 vào Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

3. Bãi bỏ một số khoản, điều, cụm từ và mẫu sau đây:

a) Bãi bỏ khoản 3 Điều 34; khoản 2 Điều 43; Điều 53;

b) Bãi bỏ cụm từ “cấp lại,” tại khoản 7 Điều 1; Điều 55; tiêu đề Điều 56; tiêu đề Chương VIII và tiêu đề tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

c) Bãi bỏ Mẫu số 05 và Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

Chương II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
41/2016/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC CẤP PHÉP CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
NƯỚC NGOÀI TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG
VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 16. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Giải thích từ ngữ

1. Người có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Cơ quan giải quyết hồ sơ là Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển theo thẩm quyền cấp phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, đình chỉ, thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Phương thức, thời gian gửi hồ sơ

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức liên chính phủ gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học thông qua đường ngoại giao.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, tổ chức liên chính phủ chưa có cơ quan đại diện tại Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2. Thời gian gửi hồ sơ:

a) Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học phải gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ với đầy đủ thông tin theo quy định chậm nhất 6 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

b) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học phải gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ chậm nhất là 60 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Cách thức nộp hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cách thức nộp hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định, không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định này và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, người có thẩm quyền cấp phép ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để được cấp phép theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định này, người có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép; cơ quan giải quyết hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được cấp phép, người có thẩm quyền cấp phép xem xét, cấp phép nghiên cứu khoa học.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, cơ quan giải quyết hồ sơ phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và thẩm định theo quy định tại Điều 15 và Điều 17 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, người có thẩm quyền cấp phép quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để được sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định này, người có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối sửa đổi, bổ sung, gia hạn; cơ quan giải quyết hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan giải quyết hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, người có thẩm quyền cấp phép xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

4. Cơ quan giải quyết hồ sơ có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các cơ quan có liên quan.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam như sau:

1. Thay thế một số từ, cụm từ sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” tại khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 5, khoản 1 và khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 3 Điều 18, khoản 3 và khoản 4 Điều 20, điểm a và điểm c khoản 2, điểm a và điểm b khoản 5 Điều 21, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 22, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 24;

b) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” tại khoản 4 Điều 15, khoản 1 Điều 16, Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định;

c) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” tại Điều 16, khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 20, điểm b khoản 2 và điểm c khoản 5 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 22, Mẫu số 02, Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định;

d) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại tên Điều 23 và khoản 4 Điều 23; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26;

đ) Thay thế cụm từ “bản đồ” bằng cụm từ “sơ đồ” tại Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định;

e) Thay thế cụm từ “BTNMT” bằng cụm từ “BNNMT/UBND” tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

3. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều và cụm từ sau đây:

a) Bãi bỏ cụm từ “cấp lại” tại tên Chương II, tên Điều 8 và khoản 5 Điều 8, tên Điều 13; cụm từ “cấp lại,” tại Điều 1, khoản 1 Điều 23;

b) Bãi bỏ khoản 4 Điều 8; Điều 12; khoản 2 Điều 13 và Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

Chương III
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
11/2021/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 02 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH VIỆC GIAO CÁC KHU VỰC BIỂN NHẤT ĐỊNH CHO
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN BIỂN
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2025/NĐ-CP
NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2025

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều 2 như sau:

“2. Khu vực biển giao cho tổ chức, cá nhân là một phần của vùng biển Việt Nam có vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao cụ thể được xác định bởi một hoặc nhiều thành phần bao gồm mặt biển, trên mặt biển, khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

3. Khu vực biển liên vùng là khu vực biển có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển trở lên hoặc có một phần diện tích nằm trong ranh giới hành chính trên biển của cấp tỉnh và có một phần diện tích nằm ngoài ranh giới hành chính trên biển của cấp tỉnh.

4. Vùng biển 03 hải lý là vùng biển có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo, ranh giới ngoài là đường cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo một khoảng cách tương ứng là 03 hải lý.

5. Vùng biển 06 hải lý là vùng biển có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo, ranh giới ngoài là đường cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo một khoảng cách tương ứng là 06 hải lý.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Ranh giới khu vực biển được xác định bởi đường khép kín bao gồm các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ cụ thể hoặc các đường có hình dạng khác xác định được diện tích và có các điểm giới hạn có tọa độ cụ thể, được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển với các thông tin, dữ liệu được trích lục từ bản đồ địa hình đáy biển do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xuất bản với tỷ lệ thích hợp.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Trong một vùng biển có thể giao cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc nhiều mục đích sử dụng nhưng không được mâu thuẫn với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp của tổ

chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành. Trên một khu vực biển chỉ giao cho một tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc nhiều mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Trường hợp có sự chồng lấn, trùng nhau về vị trí, phạm vi khu vực biển đề nghị giao thì giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân nộp trước đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, được thể hiện trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.”

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp nuôi trồng thủy sản trên biển.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 như sau:

“e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển có trách nhiệm xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao sau khi lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung quy định tại điểm a, b và c khoản này trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển.”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5a như sau:

“2. Phạm vi khu vực biển đề nghị sử dụng nằm trong các khu vực biển dưới đây, trừ trường hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý hoặc pháp luật quy định cho phép tổ chức, cá nhân được thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại các khu vực này:

a) Khu vực sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh;

b) Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di tích được UNESCO công nhận là di sản thế giới;

c) Khu vực thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, vùng đất ngập nước quan trọng có hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh học cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế; khu vực có rừng đặc dụng đã được công bố theo quy định của pháp luật về môi trường, đa dạng sinh học, lâm nghiệp;

d) Khu vực thuộc khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản;

đ) Khu vực có hệ sinh thái cỏ biển, rạn san hô thuộc khu vực cần bảo vệ đặc biệt được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia;

e) Khu vực có công trình dầu khí, thiết bị và công trình trên biển, vùng an toàn xung quanh các công trình này và các khu vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, công nhận khu vực biển.”.

Điều 27. Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 6a như sau:

“i) Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý các khu vực có phạm vi quy định tại điểm b, c, d và điểm đ khoản 2 Điều 5a Nghị định này, trừ trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức đề nghị được giao khu vực biển.”.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, thu hồi khu vực biển trong các trường hợp sau đây:

a) Khu vực biển có phạm vi nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển cấp tỉnh;

b) Khu vực biển liên vùng;

c) Thu hồi khu vực biển thuộc thẩm quyền giao, công nhận của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển quyết định giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, thu hồi khu vực biển trong các trường hợp sau đây:

a) Khu vực biển nằm trong ranh giới quản lý hành chính trên biển của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Thu hồi khu vực biển thuộc thẩm quyền giao, công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển đối với cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 có phạm vi nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo. Hạn mức giao khu vực biển quy định tại khoản này không quá 05 ha.

4. Trường hợp chưa xác định được ranh giới quản lý hành chính trên biển của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thẩm quyền giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển có phạm vi toàn bộ hoặc một phần nằm ngoài vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc có phạm vi toàn bộ hoặc một phần nằm ngoài vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đảo lớn nhất của các đặc khu;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển có phạm vi nằm hoàn toàn trong vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc có phạm vi nằm hoàn toàn trong vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đảo lớn nhất của các đặc khu; khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có phạm vi nằm hoàn toàn trong vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc có phạm vi nằm hoàn toàn trong vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đảo.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển có trách nhiệm gửi quyết định giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển về Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển có trách nhiệm gửi quyết định giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.”.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 như sau:

“a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.”.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Thay đổi về độ sâu, độ cao được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển

thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng.

Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác tài nguyên không tái tạo không được sửa đổi, bổ sung làm giảm diện tích khu vực biển đã được giao.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thể hiện bằng Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14a như sau:

1. Bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

“đ) Các văn bản, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Cách thức tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ; trình tự thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 25 và Điều 26 Nghị định này. Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển quy định tại khoản 6 Điều này.”.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản;”.

2. Sửa đổi điểm d và điểm đ khoản 1 như sau:

“d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định này; dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản;

c) Phương án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”.

4. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển

1. Trong thời hạn không quá 40 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không quá 30 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý

kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ đã quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ đã quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

d) Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

đ) Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản này về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thì cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển quy định tại khoản này không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản này.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định này, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này; bản sao văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển

1. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định này, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời

gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển

1. Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn để nuôi trồng thủy sản.

3. Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn, trừ trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

4. Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển chậm nhất 03 tháng trước khi Quyết định giao khu vực biển đã được cấp hết thời hạn.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển

1. Trong thời hạn không quá 25 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 20 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định này, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển

1. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

2. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

1. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

3. Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thể hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này, trừ trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

4. Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

1. Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định này, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm

định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 25 như sau:

“c) Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển là cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị giao, công nhận, trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, thu hồi khu vực biển thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.”

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Cách thức nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ

Cách thức tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Những mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển dự kiến thực hiện với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp khác đang được phép tiến hành trong khu vực biển đề nghị giao (nếu có);”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Sự phù hợp của khu vực biển đề nghị giao với quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này; trường hợp chưa có quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với nội dung quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, đ khoản 1 Điều 13 Nghị định này thì không phải thực hiện nội dung thẩm định tại điểm này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển dự kiến thực hiện với việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển đối với trường hợp gia hạn thời hạn giao khu vực biển.”.

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 28 như sau:

“5. Trường hợp khi Nhà nước thu hồi khu vực biển được giao vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân có khu vực biển bị thu hồi được bồi thường theo các nguyên tắc sau đây:

a) Nhà nước chỉ bồi thường khi thu hồi khu vực biển đối với các khu vực biển đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định giao khu vực biển và còn thời hạn sử dụng;

b) Tổ chức, cá nhân được bồi thường bằng khu vực biển mới hoặc bồi thường bằng tiền. Trường hợp tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu sử dụng khu vực biển hoặc không còn diện tích khu vực biển để bồi thường thì mới bồi thường bằng tiền;

c) Nhà nước bồi thường cho tổ chức, cá nhân khu vực biển mới có cùng mục đích sử dụng, có diện tích bằng với diện tích khu vực biển đã bị thu hồi và mức thu tiền sử dụng khu vực biển ở khu vực biển mới bằng với mức thu tiền sử dụng khu vực biển ở khu vực biển bị thu hồi tại thời điểm thu hồi khu vực biển; trong trường hợp này, người có thẩm quyền sau khi ban hành quyết

định thu hồi khu vực biển sẽ xem xét, ban hành Quyết định giao khu vực biển mới cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thời hạn giao khu vực biển mới là thời hạn còn lại của Quyết định giao khu vực biển đã bị thu hồi;

d) Mức bồi thường bằng tiền đối với quyền sử dụng khu vực biển do người có thẩm quyền quyết định áp dụng theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi khu vực biển;

đ) Tài sản được bồi thường trong trường hợp tài sản đó không thể di chuyển tới vị trí khu vực biển mới hoặc không sử dụng lại được. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được bồi thường bằng khu vực biển mới, tổ chức cá nhân được chi trả chi phí di chuyển tài sản đến khu vực biển mới trong trường hợp tài sản đó di chuyển được tới vị trí khu vực biển mới;

e) Mức bồi thường bằng tiền đối với tài sản được xác định bằng giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm ban hành Quyết định thu hồi khu vực biển và do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định;

g) Khi Nhà nước thu hồi khu vực biển đã giao để thực hiện dự án lấn biển thì việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) đối với khu vực biển và tài sản gắn liền với khu vực biển đã giao được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, các quy định của pháp luật đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

h) Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi khu vực biển được giao vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh đối với khu vực biển đã giao để nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật.”

Điều 45. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định trong Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 như sau:

1. Thay thế một số từ, cụm từ sau đây:

a) Thay thế từ “huyện” thành từ “xã” tại tiêu đề Điều 41;

b) Thay thế cụm từ “huyện đảo” bằng cụm từ “đặc khu” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 3; khoản 4 Điều 39;

c) Thay thế cụm từ “bản đồ” thành cụm từ “sơ đồ” tại khoản 3 Điều 10; điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 15; khoản 4 Điều 17; khoản 4 Điều 21; khoản 1 Điều 37.

2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 14 và bổ sung Mẫu số 06a, Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định

việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

3. Bãi bỏ các khoản, cụm từ sau đây:

a) Bãi bỏ khoản 3 và khoản 6 Điều 12; khoản 7 Điều 14a; khoản 2 và khoản 4 Điều 21;

b) Bãi bỏ cụm từ “một phần hoặc” tại khoản 1 Điều 12;

c) Bãi bỏ cụm từ “, trả lại một phần diện tích khu vực biển” tại khoản 2 Điều 38;

d) Bãi bỏ đoạn “Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên nộp hồ sơ đề xuất thực hiện một loại hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên cùng một khu vực biển thì ngoài các nội dung thẩm định quy định tại khoản này, cơ quan thẩm định phải đánh giá, đề xuất lựa chọn tổ chức, cá nhân để giao khu vực biển trên cơ sở các yếu tố quy định tại khoản 7 Điều này.” tại khoản 6 Điều 14a.

đ) Bãi bỏ đoạn “- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tích ... ha trong tổng số diện tích... ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm ... của: Thủ tướng Chính phủ/Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp huyện... về việc giao quyền sử dụng khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., huyện... tỉnh...” tại Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Điều 34; Điều 35; khoản 2 Điều 36 và bãi bỏ cụm từ “Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và” tại khoản 3 Điều 36; bãi bỏ Phụ lục VII của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Bãi bỏ Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 54 và Điều 55 của Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

4. Thay thế cụm từ “đảo có diện tích lớn nhất của các huyện đảo/đảo” bằng cụm từ “đảo có diện tích lớn nhất thuộc đặc khu” tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

5. Thay thế từ “huyện” thành từ “xã” tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 47. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép nghiên cứu khoa học, cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển có nhu cầu gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, Giấy phép nhận chìm ở biển, Quyết định giao khu vực biển sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với khu vực biển đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường giao cho tổ chức, cá nhân trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp phạm vi diện tích đã giao (một phần hoặc toàn bộ) nay thuộc thẩm quyền giao của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này thì kể từ kỳ nộp tiền sử dụng khu vực biển kế tiếp, mức thu tiền đối với phần phạm vi diện tích này áp dụng theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển đó ban hành tại thời điểm xác định tiền sử dụng khu vực biển.

4. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật thủy sản trước ngày Nghị định này có hiệu lực và nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản sau khi Nghị định này có hiệu lực thì tổ chức, cá nhân không phải nộp phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển và cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp, gia hạn Quyết định giao khu vực biển không phải thực hiện việc lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản về phương án nuôi hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). **70**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Kèm theo Nghị định số 44 /2026/NĐ-CP
ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

I. CÁC MẪU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 40/2016/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2025

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển
Mẫu số 03a	Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển

**Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC NẠO VẾT, NHẬN CHÌM

1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.

1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (khu vực nạo vét, nhận chìm)

Các dữ liệu về các điều kiện tự nhiên gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, văn hóa, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, danh lam thắng cảnh đã được xác lập, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

1.3. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển

1.3.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường: chất lượng của các thành phần môi trường không khí; môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất; môi trường đất, trầm tích.

Trường hợp thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường chưa đầy đủ thì thực hiện đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường.

Tổng hợp dữ liệu thu thập và kết quả đo đạc, phân tích để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện nạo vét, nhận chìm ở biển.

1.3.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Thu thập, tổng hợp dữ liệu về đa dạng sinh học tại khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển và xung quanh;

1.4. Hiện trạng bờ biển khu vực nạo vét và xung quanh.

1.5. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động bởi hoạt động nạo vét, nhận chìm ở biển và các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện.

1.6. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan.

1.7. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn nhận chìm ở biển

Thuyết minh sự phù hợp của vị trí, diện tích khu vực nhận chìm ở biển về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

Chương II **PHƯƠNG ÁN THI CÔNG NẠO VÉT, NHẬN CHÌM**

2.1. Phương án thi công nạo vét

2.2. Phương án thi công nhận chìm

2.2.1. Vị trí và quy mô:

- Xác định rõ tọa độ các điểm giới hạn của khu vực nhận chìm trên sơ đồ, bao gồm cả độ sâu và diện tích. Đánh giá sự phù hợp của độ sâu, diện tích khu vực nhận chìm.

- Tổng khối lượng vật liệu dự kiến nhận chìm (m^3), tính toán dựa trên khối lượng vật, chất nạo vét thực tế (bao gồm hệ số nở dôi, lẫn nước).

- Thời gian dự kiến thực hiện (ngày/tháng/năm).

2.2.2. Đặc điểm chất nhận chìm:

- Nêu rõ nguồn gốc phát sinh của vật liệu (Ví dụ: vật, chất nạo vét từ luồng hàng hải, cảng biển,...).

- Trình bày kết quả phân tích, đánh giá mẫu chất nạo vét theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm: Thành phần hạt; thành phần hóa học; hàm lượng các chất ô nhiễm chính; hàm lượng chất phóng xạ,...

- Khẳng định vật liệu nhận chìm thuộc danh mục được phép theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Phương pháp thi công và thiết bị:

- Thiết bị vận chuyển và nhận chìm: Liệt kê các loại tàu, sà lan, phao tiêu, cần cẩu, thiết bị xả đáy... kèm theo các thông số kỹ thuật (công suất, sức chứa...).

- Quy trình thi công:

+ Mô tả chi tiết quy trình từ lúc nạo vét (nếu là vật, chất nạo vét) đến vận chuyển và nhận chìm.

+ Xác định tuyến đường vận chuyển, tốc độ di chuyển của tàu.

+ Mô tả phương pháp nhận chìm (ví dụ: xả đáy, đổ tại chỗ...).

+ Số lượng chuyển, tần suất nhận chìm trong ngày.

2.2.4. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công nạo vét, nhận chìm ở biển

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

- Các tác động môi trường liên quan đến chất thải: do nước thải; do bụi, khí thải; do chất thải rắn sinh hoạt; do chất thải rắn thông thường; do chất thải nguy hại.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

- Đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ biển và các vùng đất ven biển; bảo đảm sự lưu thông của các phương tiện trên biển; diễn biến bồi lắng, sạt lở bờ biển. Khuyến khích đánh giá tác động được thực hiện thông qua phương pháp mô hình toán và nội dung về kết quả tính toán của mô hình áp dụng lấy thêm ý kiến của tổ chức chuyên môn phù hợp.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Đối với nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Đối với bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.
- Đối với xói lở, bồi lắng: quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng.
- Đối với các tác động đến đa dạng sinh học: các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

- Luận chứng, thuyết minh làm rõ việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ bờ biển, ven biển theo quy định và lựa chọn, đề xuất phương án thực hiện để bảo vệ bao gồm phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện và các cam kết trong quá trình thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động đến bờ biển, ven biển.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

3.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)

(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ NHẬN CHÌM

- 1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.
- 1.2. Các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển dự kiến nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).
- 1.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).

Chương II

PHƯƠNG ÁN NHẬN CHÌM

- 2.1. Trình bày về vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển: tên, nguồn gốc, hình dáng, kích thước, khối lượng, các đặc tính vật lý, hóa học và thành phần của vật, chất đề nghị được nhận chìm.
- 2.2. Trình bày luận chứng, thuyết minh về mức độ chiếm dụng phân tán trong môi trường nước biển của vật, chất nhận chìm để xác định phạm vi khu vực biển cần sử dụng để nhận chìm.
- 2.3. Thuyết minh mô tả hình dáng, sơ đồ bố trí vật, chất nhận chìm và tính toán, xác định phạm vi ảnh hưởng.
- 2.4. Trình bày luận chứng, thuyết minh sự phù hợp về phương thức xử lý vật, chất đề nghị nhận chìm và phương thức nhận chìm, phương tiện chuyên chở.
- 2.5. Khả năng kiểm soát, giảm thiểu vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển tại nguồn phát sinh.

2.6. Danh sách các chất cần kiểm soát trong vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển.

2.7. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

3.1. Dự báo các tác động, nguy cơ rủi ro cho môi trường biển do vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển có thể gây ra.

3.2 Tác động tiềm năng của vật, chất đề nghị được nhận chìm đến tài nguyên, môi trường biển.

3.3. Những biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình thực hiện vận chuyển đến khu vực nhận chìm vật chất và trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....

Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....

Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(ỦY BAN NHÂN DÂN) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND.../Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng... năm....

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

II. MẪU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 41/2016/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC CẤP PHÉP CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 05	Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 06	Quyết định về việc gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 07	Quyết định đình chỉ Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 08	Quyết định về việc thu hồi Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:	
1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:	
Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:	
Quốc tịch:	
Địa chỉ:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):	
1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):	
Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):	
Tên tổ chức:	
Người đại diện tổ chức:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):	

1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:	
Tên nhà khoa học:	Quốc tịch:
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	
1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):	
Tên nhà khoa học:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	

2. Mô tả hoạt động nghiên cứu

2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:
2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:
2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:
2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu

3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)
3.2. Sơ đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền (nếu có):	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):	Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài (mét):	Hạ thủy tối đa (mét):
Tổng trọng tải:	Động cơ:
Tốc độ tối đa:	Ký hiệu:
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):	
Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	
Tên thuyền trưởng:	Số thuyền viên:
Số các nhà khoa học trên tàu:	
Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:	
Các thông tin có liên quan khác:	
4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay (nếu có):	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):	
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài:	Tổng trọng tải:
Tốc độ tối đa:	
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):	
Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	

Chi tiết về gói cảm biến:		
Thông tin liên quan khác:		
4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:		
4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:		
Các loại mẫu vật và phương pháp lấy mẫu	Phương pháp sử dụng	Công cụ được sử dụng
4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:		
4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nếu có, chỉ rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):		
4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):		

5. Thiết bị nghiên cứu

Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):
--

6. Lịch trình nghiên cứu

6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:
6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:

7. Các cảng tàu sẽ dừng (nếu có)

7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:
7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng:
7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu:

8. Đăng ký thông tin liên lạc (nếu có)

8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:
8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:
8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam (nếu có)

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:

9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:

9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:

10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:

10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:

10.4. Phương thức đề cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

TÔ CHỨC/CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2. Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
3. Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
4. Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
5. Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
6. Lịch trình nghiên cứu:
7. Các cảng đến và đi (nếu có):
8. Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
9. Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng... năm ...

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.
2. Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
3. Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
4. Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn nghiên cứu khoa học đã được cấp phép tại Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Thời hạn gia hạn là ... ngày/tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... có trách nhiệm:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Đình chỉ Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của tổ chức ...(tên tổ chức)... về hành vi vi phạm của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... phải dừng ngay hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện các nghĩa vụ sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của tổ chức ... (tên tổ chức) ... về hành vi vi phạm của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Quyết định số .../QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... phải chấm dứt ngay hoạt động nghiên cứu khoa học, tháo dỡ và đưa thiết bị, phương tiện nghiên cứu khoa học ra khỏi vùng biển Việt Nam và thực hiện các nghĩa vụ sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

III. CÁC MẪU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 11/2021/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 02 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VIỆC GIAO CÁC KHU VỰC BIỂN NHẤT ĐỊNH CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN BIỂN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2025

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao/công nhận khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển/cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 14	Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển
Mẫu số 17	Đề cương thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN.ĐỀ NGHỊ GIAO/CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:¹

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m; từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển hoặc danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

¹ Người có thẩm quyền giao, công nhận khu vực biển.

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

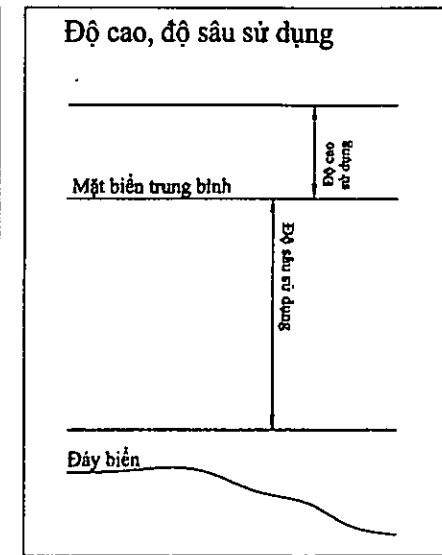
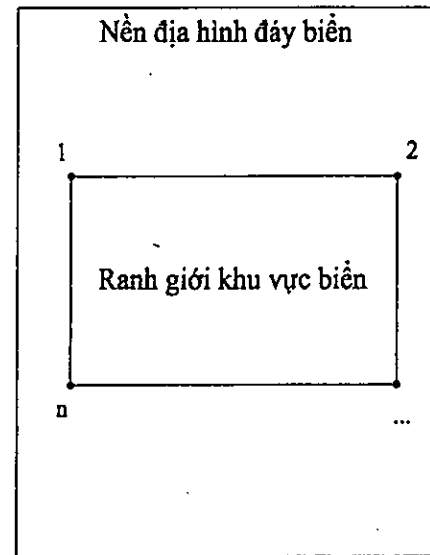
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc từ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 03 hải lý (nếu có) Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Số: /QĐ-BNNMT/UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- BNNMT/BHD;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

**BỘ TRƯỞNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH/CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNNMT/UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ văn bản ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ tại Quyết định này và Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển.

2. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định Quyết định này và Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-;

- BNNMT/BHD;

- Sở NNMT tỉnh...;

- Cơ quan Thuế....

- UBND xã..;

- Tên tổ chức, cá nhân;

- Lưu: VT, HS.

**BỘ TRƯỞNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH/CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)**

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**
(Đề nghị giao khu vực biển để.....)**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)**
(Chức danh)*Ký (đóng dấu nếu có)***(Họ và tên)****TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Chức danh)*Ký (đóng dấu nếu có)***(Họ và tên)****Địa danh, năm...**

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.

- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.

- Mục tiêu hoạt động sử dụng biển; sự phù hợp với quy hoạch; lý do lựa chọn khu vực biển đề xuất.

- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển; khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển; phương án bố trí công trình, phương tiện, thiết bị trên biển; quy mô dự án (công suất, sản lượng, số lượng công trình...); giai đoạn thực hiện: khảo sát – xây dựng – vận hành – chấm dứt hoạt động.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.

2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.

2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.

4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.

5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.

- Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh.

- Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có).

- Phương án bảo đảm an toàn, phòng chống thiên tai, ứng cứu sự cố; an toàn công trình, an toàn hàng hải; kế hoạch ứng cứu tai nạn, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ; thiết bị chuyên dụng và lực lượng bảo đảm an toàn trên biển.

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

7. Phương án chấm dứt hoạt động và phục hồi môi trường; trình tự, biện pháp tháo dỡ công trình; phương án khôi phục hiện trạng ban đầu hoặc tạo giá trị mới; kinh phí và cơ chế bảo đảm tài chính.

III. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.

4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. CAM KẾT

Các thông tin, số liệu, tài liệu, sơ đồ, kết quả khảo sát và nội dung trình bày trong Thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển là chính xác, trung thực, hợp pháp và được thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của toàn bộ nội dung, số liệu, tài liệu kèm theo Thuyết minh.

Trường hợp thông tin, số liệu sai lệch, không trung thực hoặc gây ảnh hưởng đến việc giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân cam kết chấp hành mọi biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân cam kết cung cấp bổ sung các tài liệu phát sinh theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thẩm định hồ sơ.

D. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN

*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cá nhân thực hiện:
2. Địa chỉ thường trú:
3. Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Email:
6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

1. Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)
2. Tọa độ địa lý:
3. Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha
4. Sơ đồ khu vực nuôi:
5. Thời gian đề nghị giao khu vực biển:
6. Diện tích nuôi:
7. Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

1. Số lượng lồng/bè:
2. Tổng thể tích lồng bè (m^3):
3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):
4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

1. Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hàu, rong biển... và tên khoa học)
2. Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)
3. Kích cỡ giống thả:
4. Mật độ thả giống (con/ m^3):
5. Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)
6. Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

1. Chuẩn bị lồng nuôi
2. Kỹ thuật thả giống
3. Kiểm tra điều kiện nuôi
4. Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)
5. Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)
6. Chế độ chăm sóc và quản lý:
7. Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:
8. Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:
9. Xử lý sông thoát.
10. Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.
11. Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.
12. Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.
13. Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

1. Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...
2. Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...
3. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm
2. Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm
3. Chi phí đầu tư và vận hành:
4. Lợi nhuận dự kiến:
5. Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

1. Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.
3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.
4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
*(Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

Chương I
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án: địa điểm thực hiện, hình thức đầu tư (tư nhân, hợp tác xã, liên doanh...),...
3. Mục tiêu của dự án:
4. Thời gian thực hiện dự án:

Chương II
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý (Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Nghị định liên quan, quy hoạch phát triển vùng biển v.v.)
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
3. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
4. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Chương III
ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, độ sâu, độ mặn, dòng chảy, bão...)
3. Phân tích rủi ro và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu
4. Mức độ phù hợp với loài thủy sản dự kiến nuôi
5. Hiện trạng nơi sản xuất
6. Nhận xét chung

Chương IV
QUY MÔ DỰ ÁN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Loài nuôi và hình thức nuôi
- Loài thủy sản nuôi (cá biển, tôm hùm, hàu, nhum biển, bào ngư...)

- Nguồn gốc giống (tự sản xuất hay nhập giống từ trung tâm)
- Mô hình nuôi:
 - + Nuôi trong lồng bè truyền thống/lồng HDPE
 - + Nuôi đơn loài hoặc đa loài kết hợp (integrated multitrophic aquaculture - IMTA)
 - + Ứng dụng công nghệ cao (giám sát từ xa, cho ăn tự động, AI...)
- Mô tả cụ thể
- 2. Quy mô đầu tư dự án: Diện tích mặt nước sử dụng (số lồng, tổng diện tích, chiều sâu...); sơ đồ bố trí hệ thống nuôi; chu kỳ nuôi: ...tháng/vụ nuôi; sản lượng thu hoạch dự kiến/vụ.
- 3. Hạng mục công trình – thiết bị: thiết bị, vật tư, công nghệ sử dụng.

Chương V

GIỚI THIỆU QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Quy trình kỹ thuật nuôi: chọn giống, thả giống, chăm sóc, thu hoạch
2. Quản lý môi trường vùng nuôi
3. Kế hoạch triển khai dự án:
 - Các giai đoạn thực hiện:
 - + Khảo sát – Thiết kế – Xin phép
 - + Giai đoạn xây dựng hạ tầng và lắp đặt thiết bị
 - + Giai đoạn nuôi thử nghiệm
 - + Giai đoạn vận hành chính thức
 - Tiến độ triển khai chi tiết theo tháng/năm

Chương VI

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nội dung tổng mức đầu tư
 - Vốn cố định
 - Vốn lưu động
2. Nguồn vốn đầu tư dự án (phân bổ, phân kỳ đầu tư, phương án hoàn vốn và chi phí lãi vay,...)
3. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
4. Tính toán chi phí của dự án: Chi phí đầu tư ban đầu (lồng bè, con giống, hạ tầng, tàu thuyền...); chi phí vận hành hàng năm (nhân công, thức ăn, bảo trì, quản lý)...
5. Doanh thu từ dự án: Giá bán và doanh thu dự kiến.
6. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án, đóng góp cho kinh tế địa phương
7. Các chỉ tiêu xã hội của dự án: số lượng lao động tham gia, thu nhập cho người lao động...

8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:
- Lợi nhuận ròng, thời gian hoàn vốn;
 - Phân tích điểm hòa vốn

Chương VII

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tác động tích cực và tiêu cực tới môi trường
2. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đảm bảo sinh thái biển

Chương VIII

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

1. Khẳng định tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường
2. Cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật
3. Kiến nghị hỗ trợ (hạ tầng, tín dụng, đào tạo, quy hoạch vùng nuôi...)

....., ngày.....tháng..... năm:.....

CHỦ DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)